

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Giới thiệu về Dự toán

- Tên dự toán/dự án: Mua dầu Diesel, dầu nhờn năm 2026
- Tên chủ đầu tư: Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Bình
- Nguồn vốn: Nguồn vốn Địa phương năm 2026
- Thời gian thực hiện dự toán: Năm 2026, Từ thời điểm phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
- Địa điểm thực hiện: Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Ninh Bình, Đường Trần Nhân Tông, phường Nam Hoa Lu, Tỉnh

Ninh Bình

- Năm ngân sách: Năm 2026.

Giới thiệu về Gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu 01: Mua dầu Diesel, dầu nhờn năm 2026
- Giá gói thầu: 3.242.923.306 đồng
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Loại hợp đồng: Hồn hợp
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II, 2026
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Phạm vi cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có)

- Đơn vị tính trong giao nhận lít ở nhiệt độ 15°C;
- Lấy mẫu thử: Theo TCVN 6777:2007 (ASTM D 4057-06);
- Phương pháp, dụng cụ đo tính, xác định thể tích (lít): Tuân theo tiêu chuẩn ngành TCN 01:2000 “nhiên liệu dầu mỏ thể lỏng,

quy tắc giao nhận” ban hành kèm theo quyết định số: 1783/2000/QĐ-BTM ngày 26/12/2000 của Bộ Thương mại (Viết tắt là TCN 01:2000) và theo quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương);

- Nhà thầu vận chuyển hàng hóa tới địa điểm cung cấp theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Phương pháp tính quy đổi từ lượng xăng thực tế về số lượng xăng ở lít 15°C. Theo Văn bản số 1287/TĐC-HCHQ ngày 17/5/2018 của Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng.
- Đơn giá ở nhiệt độ thực tế: Theo khung giá cơ sở do Bộ Tài chính và Công thương công bố tại Thông cáo báo chí của Petrolimex về việc điều chỉnh giá xăng dầu. Yêu cầu nhà thầu trình bày bảng giá dự thầu chi tiết, nộp bản giấy để Chủ đầu tư sẽ xem chi tiết thành dự thầu của nhà thầu.

1.2.2. Yêu cầu chung

- Hàng hóa phải được sản xuất từ năm 2025 trở về sau với đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu, nhãn mác, hãng sản xuất, thời gian bảo hành hàng hóa phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật tại Chương này;
- Hàng hóa cung cấp đúng chủng loại, đủ số lượng theo phạm vi cung cấp của gói thầu và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết, tiêu chuẩn trong E-HSMT.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo quản và vận chuyển hàng hóa đến địa điểm thực hiện, hướng dẫn và bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng, công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật; chi phí vận chuyển, kiểm tra, thử nghiệm, lắp đặt, và bàn giao hàng hóa do nhà thầu chi trả.
- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp cung cấp, lắp đặt hàng hóa nhà thầu phải cung cấp: Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa; Biện pháp tổ chức đảm bảo chất lượng hàng hóa cung cấp; An toàn lao động và vệ sinh môi trường; Biện pháp kiểm tra và nghiệm thu bàn giao.
- Toàn bộ những trường hợp hỏng hóc, không đúng, không đủ thông số kỹ thuật sẽ được nhà thầu thay thế trong thời gian bảo hành và nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chi trả các chi phí.
- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ thông tin của hàng hóa chào thầu: Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng, thương hiệu, mã hiệu, hãng sản xuất, ... Tất cả các hàng hóa chào thầu phải đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo pháp luật hiện hành quy định, bảo đảm an toàn cho người sử dụng.
- Nhà thầu phải cung cấp phiếu kiểm tra chất lượng sản phẩm của từng đợt giao hàng.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của toàn bộ hàng hoá cung cấp. Trường hợp xảy ra bất kỳ khiếm khuyết liên quan đến hàng hoá mà nhà thầu cung cấp thì Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư nếu trường hợp xảy ra tranh chấp, khiếu kiện.

Trong trường hợp có yêu cầu, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng nhận xuất xứ hàng hóa, tài liệu chứng nhận chất lượng hàng hóa hoặc chứng nhận phân tích đối với các hàng hóa Nhà thầu đã cung cấp.

- Thu hồi; đổi trả: Nhà thầu chịu toàn bộ trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, không sử dụng được, có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu hoặc phát hiện nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa không hợp pháp.

- Nhà thầu phải xây dựng bảng tiến độ cung cấp hàng hóa chi tiết phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu phải có đề xuất giải pháp cho việc bảo hành hàng hóa cung cấp.

- Thời gian hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian bảo hành là 08 giờ/ngày, 07 ngày/tuần, thời gian có mặt là 08 giờ sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư. Kênh tiếp nhận thông báo và hỗ trợ: điện thoại, email, hỗ trợ trực tiếp tại địa điểm sử dụng. Yêu cầu nhà thầu cung cấp thông tin liên hệ theo các kênh đã quy định.

- Có hợp đồng bảo hiểm hàng hóa tối thiểu bằng 100% giá trị tham dự thầu.

- Nhà thầu phải cam kết cho Chủ đầu tư gửi hàng đến hết 31/12/2026. Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản hàng hóa, sẵn sàng giao hàng khi có yêu cầu giao hàng từ Chủ đầu tư tất cả các ngày trong tuần trừ ngày nghỉ, ngày lễ.

1.2.3. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

a. Đối với Dầu Diezen 0,05S Mức 2:

Nhà thầu cung cấp đầy đủ tài liệu dưới dạng bản chụp màu (scan màu) từ bản gốc và đính kèm trong E-HSDT:

- Cung cấp Chứng thư giám định chất lượng lô hàng (trường hợp Chứng thư tra cứu trực tuyến được tại website của Tổ

chức giám định thì cung cấp mã số hồ sơ tra cứu, hoặc mã quét QRcode thay thế cho chứng thực);

- Các Phiếu kết quả thử nghiệm đối với hàng hoá chào thầu của Phòng thí nghiệm đạt chứng nhận VILAS để chứng minh

hàng hóa chào thầu đáp ứng toàn bộ chỉ tiêu chất lượng (Ngày nhận mẫu và nơi gửi mẫu là bất kỳ);

- Thời hạn bảo hành tối thiểu 12 tháng tính từ thời điểm hàng hóa được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

b. Đối với dầu nhớt động cơ 15W40 CI-4/E7:

Thông số kỹ thuật của dầu nhờn và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

- Tiêu chuẩn ACEA: E7
- Tiêu chuẩn API: CI-4/SL.
- Tiêu chuẩn SAE: 15W-40.

- Hàng hóa thích hợp sử dụng cho cả động cơ Diesel và động cơ Xăng (4 kỳ), các phương tiện vận tải đường bộ, xe tăng thiết giáp, máy móc thi công công trình, trạm nguồn, vũ khí trang bị khí tài, ...

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ: Bảng công bố tiêu chuẩn cơ sở, Giấy chứng nhận hợp quy, Giấy xác nhận sản phẩm đạt phẩm cấp chất lượng theo SAE và API của nhà sản xuất, Giấy cam kết cung cấp và bảo hành chất lượng hàng hóa (của nhà thầu và nhà sản xuất) trong thời gian bảo hành sản phẩm. Chứng thư giám định chất lượng đối với dầu nhờn động cơ đáp ứng tiêu chuẩn E-HSMT do Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia công nhận. Chứng chỉ đánh giá phẩm cấp chất lượng API (Viện dầu mỏ Hoa Kỳ) còn hiệu lực được nhà sản xuất công bố ở các quốc gia trên thế giới. Tất cả các chỉ tiêu chất lượng, thông số kỹ thuật của các văn bản trên phải đáp ứng đúng và đủ theo yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu cung cấp Chứng nhận tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001:2015, chứng nhận tiêu chuẩn quản lý môi trường của nhà sản xuất: ISO 14001:2015.

- Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá (C/Q) đối với các hàng hoá nhập khẩu (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) khi giao hàng.

- E-HSDT nhà thầu phải cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.
- Thời hạn bảo hành tối thiểu 36 tháng tính từ thời điểm hàng hóa được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Bảng số 1. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản Dầu Đêzen 0,05S Mức 2 theo TCVN 5689:2024

STT	Tên chỉ tiêu	YÊU CẦU CHỦ ĐẦU TƯ					Phương pháp thử
		II	III	IV	V		
1	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max	500	350	50	10	TCVN 6701 (ASTM D 2622)	

YÊU CẦU CHỦ ĐẦU TƯ

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng					Phương pháp thử
		II	III	IV	V		
							TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)
2	Cetan, min - Trị số cetan - Chỉ số cetan	46 46	48 46	50 46	50 46		TCVN 7630 (ASTM D 613) TCVN 3180 (ASTM D 4737)
3	Nhiệt độ cút, °C max -90% thể tích thu hồi -95% thể tích thu hồi	360 -	360 -	360 -	- 360		TCVN 2698 (ASTM D 86)
4	Điểm chớp cháy cốc kín, °C. min	55	55	55	55		TCVN 6608 (ASTM D 3828)
5	Độ nhớt động học ở 40°C, mm ² /s	2,0-4,5	2,0-4,5	2,0-4,5	2,0-4,5		TCVN 2693 (ASTM D 93) TCVN 3171 (ASTM D 445) TCVN 6324 (ASTM D 189)
6	Cặn cacbon của 10% cặn chung cát. % khối lượng, max	0,30	0,30	0,30	0,30		TCVN 7865 (ASTM D 4530)
7	Điểm cháy (điểm đông đặc), °C - Mùa hè - Mùa đông	+ 12 +3	+ 12 +3	+ 12 +3	+ 12 +3		TCVN 3753 (ASTM D 97) ASTM D 5950 ASTM D 6749
8	Hàm lượng tro, % khối lượng, max	0,01	0,01	0,01	0,01		TCVN 2690 (ASTM D 482)
9	Hàm lượng nước, mg/kg, max	200	200	200	200		TCVN 3182 (ASTM D 6304)

YÊU CẦU CHỦ ĐẦU TƯ

STT	Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng				Phương pháp thử
		II	III	IV	V	
10	Tạp chất dạng hạt, mg/L, max	10	10	10	10	TCVN 2706 (ASTM D 6217)
11	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C /3h, max	Loại 1	Loại 1	Loại 1	Loại 1	TCVN 2694 (ASTM D 130)
12	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m ³	820-860	820-850	820-850	Max 845	TCVN 6594 (ASTM D 1298) TCVN 8314 (ASTM D 4052)
13	Độ bôi trơn, μm. max	460	460	460	460	TCVN 7758 (ASTM D 6079) TCVN 12016 (ASTM D 7688)
14	Hàm lượng hydrocarbon thơm đa vòng (PHA), % khối lượng, max	-	11	11	11	TCVN 11587 (ASTM D 5186) TCVN 11589 (ASTM D 6591)
15	Ngoại quan	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	TCVN 7759 (ASTM D 4176)

Bảng số 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật Dầu nhờn động cơ 15W40 CI-4/E7

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Quy định
1	Cấp chất lượng	API		CI-4/SL
2	Cấp độ nhớt theo SAE	SAE J300		15W-40
3	Khối lượng riêng ở 15°C	ASTM D4052-22	kg/L	0,83÷0,95
4	Độ nhớt động học ở 40°C	ASTM D445-21 e2	mm ² /s	100÷145
5	Độ nhớt động học ở 100°C	ASTM D445-21 e2	mm ² /s	14÷16
6	Chỉ số độ nhớt	ASTM D2270-10		≥120
7	Chỉ số kiềm tổng (TBN)	ASTM D2896-21	mgKOH/g	≥10
8	Nhiệt độ chớp lửa cốc hở	ASTM D92-18	oC	≥210
9	Nhiệt độ đông đặc	ASTM D97-17b	oC	≤-30
10	Đặc tính tạo bọt ở 93,5°C	ASTM D892-18	mL	≤50/0
11	Hàm lượng tro Sunphat	ASTM D487-13a	%(m/m)	≥ 0,6
12	Hàm lượng Canxi	ASTM D4951-14	%(m/m)	0,207÷0,358
13	Hàm lượng Kẽm	ASTM D4951-14	%(m/m)	0,110÷0,136
14	Hàm lượng Phốt pho	ASTM D4951 -14	%(m/m)	0,090÷0,125
15	Hàm lượng tạp chất (phương pháp ly tâm)	ASTM D473-22	%(m/m)	≤0,1
16	Cặn cơ học (cặn pentan)	ASTM D4055-04	%(m/m)	≤0,1
17	Ăn mòn tấm đồng (ở 100 °C trong 3 giờ)	D 130-18		loại 1
18	Độ nhớt khởi động lạnh ở -20°C	ASTM D5293-20	cP	≤7.000
19	Hàm lượng tạp chất cơ học		%(m/m)	Không có
20	Hàm lượng nước	ASTM D95-13	%(m/m)	Không có

Bao gói

- Hàng hóa được chứa trong thùng phuy bằng thép; Tổng dung tích chứa của phuy: Tối thiểu 205 lít, tối đa 219 lít.
- Nắp và đáy thùng phuy kín, phẳng, nắp thùng có 2 lỗ (01 lỗ rót nắp vận ren và 01 nắp/van thông hơi).
- Thép tấm làm nắp, thân và đáy thùng phuy có độ dày ≥ 0,9 mm, mặt trong thùng được sơn hoặc có lớp phủ để chống rỉ và chịu xăng dầu; mặt ngoài sơn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Thân thùng phuy có tối thiểu 2 vành đai (gân) tăng cứng chính và 8 đến 10 gân tăng cứng phụ.
- Lượng danh định ở 20°C: 209 ± 01 lít
- Nguyên đai nguyên kiện, không rò rỉ, biến dạng, méo. Bên ngoài thùng có thể hiện rõ thông tin nội dung hàng hóa theo đúng mẫu mã đăng ký của nhà sản xuất, đúng “quy chế ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất nhập khẩu” hiện hành của Nhà nước.
- Nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật hoặc hình ảnh, văn bản tài liệu có liên quan để chứng minh việc bao gói hoặc khả năng bao gói đúng theo quy cách yêu cầu.
- Trên bao bì có mã QR code thể hiện các thông tin của sản phẩm.

1.3. Các yêu cầu khác:

- Nhà thầu có giấy cam kết và chịu trách nhiệm về phẩm cấp, chỉ tiêu chất lượng và bảo hành chất lượng hàng hóa (của nhà thầu, nhà sản xuất) trong thời gian bảo hành sản phẩm.

- Hàng được đóng gói bao bì theo tiêu chuẩn kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu phần II Yêu cầu Thông số kỹ thuật của Chương V trong E-HSMT (Hàng hóa bao bì phuy phải có mã QR code chống hàng giả theo quy định).

- Không chấp nhận hàng hoá nhập lậu, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng trộn thuốc...

- Ghi chú về giá trị dự gói thầu: Giá dầu hiện nay trên thị trường là giá thay đổi biến đổi liên tục theo tình hình dầu thế giới, vì thời gian cung cấp là trong 30 ngày, giá dầu có biến động. Giá gói thầu là dựa trên Thông cáo báo chí số 23/2026/PLX-TCBC: Petrolimex điều chỉnh giá xăng dầu từ 00 giờ 00 phút ngày 16/4/2026. Sau khi triển khai hợp đồng, giá của dầu thay đổi theo thời gian giao hàng, thì Chủ đầu tư sẽ yêu cầu sẽ phải Điều chỉnh Khối lượng thay đổi theo giá dầu thị trường cho phù hợp với tổng giá trị gói thầu.

- Nhà thầu có cam kết với nội dung như sau: Nhà thầu cam kết sẽ điều chỉnh khối lượng hàng hóa để phù hợp với Giá trị gói thầu vì Giá trị dự thầu và ký hợp đồng của gói thầu là không đổi trong quá trình triển khai hợp đồng. Nếu không có cam kết, hồ sơ dự thầu sẽ **không đạt**.

- Giá trị ký hợp đồng sẽ là giá trị nhà thầu dự thầu. Và trong thời gian triển khai, giá dầu theo thị trường thay đổi thì sẽ điều chỉnh lại đơn giá và khối lượng để tổng giá trị hợp đồng không đổi.

- Về đảm bảo tiến độ cung cấp hàng hóa: Vì yêu cầu của nhiệm vụ nên có thể phải giao hàng ở nhiều nơi, lực lượng nhân sự Chủ đầu tư mỏng, không thể phân tán trong thời gian dài; bên cạnh đó, do yêu cầu nhiệm vụ cần bảo đảm nhanh gọn, kịp thời. Nên yêu cầu các nhà thầu phải cam kết có tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi theo yêu cầu của HSMT, đảm bảo giao hàng 1 lần đủ số lượng trên từng khu vực.

*** Về hàng hóa cung cấp cho gói thầu:**

Vì hiện nay, Chủ Đầu tư đang sử dụng chủng loại dầu nhờn Castrol Vecton 15W40 CI-4/E7. Theo Điều lệ công tác Xăng dầu trong Quân đội ban hành theo Thông tư 241/2011/TT-BQP ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, quy định tại Điều 65 về bảo đảm chất lượng xăng dầu trong sử dụng; Chế độ bảo đảm chất lượng xăng dầu ban hành theo Quyết định 432/QĐ-HC ngày 02/8/2017 của Tổng Cục Hậu cần quy định tại Điều 18 yêu cầu kỹ thuật bảo đảm chất lượng xăng dầu đối với các loại trang bị, khí tài có quy định phải xác định đúng chủng loại xăng dầu hoặc tương đương để sử dụng cho phương tiện, vũ khí; Khi thay dầu mỡ phải xả hết dầu cũ, vệ sinh sạch sẽ, tráng rửa bằng dầu mới, xả sạch rồi thay dầu mới vào; Tuyệt đối không được trộn lẫn các loại dầu nhờn trong quá trình sử dụng.

Do đó, nếu trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương với sản phẩm mà Chủ đầu tư đang sử dụng, nhà thầu phải cung cấp hồ sơ tài liệu kèm theo để chứng minh, cụ thể sau đây:

- Trong E-HSDT nhà thầu phải cung cấp bảng công bố chỉ tiêu Kỹ thuật trích lục từ bảng công bố của nhà sản xuất hàng hóa đã được thông báo công khai trên mạng (bản gốc hoặc tài liệu có giá trị tương đương);
- Nhà thầu phải cam kết sản phẩm chào thầu thay thế sản phẩm mà Chủ đầu tư đang sử dụng đã được thay thế là tương đương. Trong E-HSDT, nhà thầu phải cung cấp hồ sơ chứng minh sự phù hợp về chủng loại, chất lượng, tính ổn định trong hoạt động của các phương tiện kỹ thuật của các đơn vị khách hàng đã từng thực hiện nội dung thay thế trước.
- Khi tiến hành thay thế chủng loại dầu nhờn đang sử dụng cho các phương tiện của Chủ đầu tư bằng sản phẩm trưng thầu, nhà thầu phải cam kết chịu toàn bộ chi phí về việc thay thế và hỗ trợ kỹ thuật, gồm các chi phí về: Nhân công, máy móc, nhiên liệu và dầu nhờn tráng rửa, thay thế, vệ sinh, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, PCCC...; cam kết đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và phương tiện của nhà thầu và Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện nội dung. Để thực hiện nội dung này, trong quá trình xây dựng HSDT, nhà thầu có thể liên hệ Chủ đầu tư để được hướng dẫn cụ thể.

- Nhà thầu phải cam kết đền bù mọi tổn thất, thiệt hại nếu sản phẩm thay thế làm hỏng hóc các phương tiện kỹ thuật của Chủ đầu tư (trong trường hợp nhà thầu trúng thầu), khi chủ đầu tư có thể chứng minh những hỏng hóc đó do sản phẩm thay thế của nhà thầu gây ra.

Mục 2. Bản vẽ: Không yêu cầu

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Đây là chủng loại hàng hóa có yêu cầu rất chặt chẽ về chỉ tiêu chất lượng, do đó Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu trong quá trình xây dựng E-HSDT phải tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm thật chi tiết, chính xác. Thông tin chất lượng sản phẩm trong E-HSDT phải chuẩn xác hoàn toàn với chất lượng thực tế của hàng hóa.

- Trước khi giao nhận hàng vào kho, Chủ đầu tư có quyền tiến hành kiểm tra, lấy mẫu sản phẩm trên 100% các phương tiện giao hàng của nhà thầu, niêm phong kẹp chì của Chủ đầu tư và yêu cầu nhà thầu thực hiện đánh giá, phân tích chất lượng tại các cơ sở hóa nghiệm xăng dầu được pháp luật công nhận theo chỉ định của Chủ đầu tư để đối chiếu chất lượng sản phẩm với tiêu chuẩn Kỹ thuật được nhà thầu cung cấp để kiểm tra tính chính xác của chất lượng sản phẩm. Nếu kết quả phân tích, đánh giá không đúng theo tiêu chuẩn trong E-HSDT mà nhà thầu cung cấp thì nhà thầu phải chịu mọi chi phí về kiểm tra, đánh giá chất lượng cũng như mọi chi phí phát sinh, chịu trách nhiệm thay thế toàn bộ lượng hàng không đủ tiêu chuẩn; nhà thầu phải chịu phạt chấp nhận đền bù 100% giá trị của hợp đồng; nếu nhà thầu không đáp ứng các điều kiện trên, Chủ đầu tư có quyền hủy hợp đồng mà không chịu bất cứ trách nhiệm nào.